TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:172/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Thành, ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 18/11/2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2024 về "Tranh chấp Hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/11/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Anh Phạm B. Sinh ngày 10/4/1984. Địa chỉ liên hệ: xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: - Chị Phạm Thị T, sinh ngày 03/02/1990. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Số CMND 184062222. Hiện đang làm việc tại H (Có ý kiến xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Phạm B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm B và chị Phạm Thị T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/01/2017 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh trên tinh thần tự do tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Đến năm 2018, do cuộc sống nhiều khó khăn nên chị T đi lao động tại Hunggary, từ đó tình cảm vợ chồng càng phai nhạt. Mặc dù được gia đình nội ngoại vun vén nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Hiện nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Phạm B có yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho anh được ly hôn với Phạm Thị T.

- Về tài sản chung và tài sản chung: vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung.

Anh Phạm B đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án vì lý do công việc.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị T đã gửi các tài liệu liên quan đến việc ly hôn từ H. Tuy nhiên, vì các tài liệu của chị T không có xác nhận của Đ tại H nên Tòa án đã tiến hành làm việc với anh Phạm Xuân D (anh trai chị Phạm Thị T). Thông qua cuộc gọi video có hình ảnh với tài khoản Facebook của chị T là "Thương Pham", bị đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị T thống nhất như trình bày của anh Phạm B về việc kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2018, do cuộc sống nhiều khó khăn nên chị T đi lao động tại Hunggary, từ đó tình cảm vợ chồng càng phai nhạt. Mặc dù được gia đình nội ngoại vun vén nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Hiện nay, anh Phạm B có đơn khởi kiện ly hôn thì chị T đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: chị T trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị Phạm Thị T đang sống và làm việc tự do tại H, chị không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn nên xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Chị Phạm Thị T ủy quyền cho anh trai là anh Phạm Xuân D, sinh năm 1981, số căn cước công dân 042081001399, địa chỉ: thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh thay chị thực hiện việc giao nhận các tài liệu, văn bản tố tụng với Tòa án. Quá trình làm việc, anh D đồng ý chấp nhận việc ủy quyền giao nhận tại liệu, văn bản của chị T, cam kết sẽ thông báo lại kịp thời nội dung các tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án để chị được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57 Điều 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, cụ thể:

- Về tình cảm: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm B và chị Phạm Thị T;

- Về tài con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: anh Phạm B và chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:***

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: anh Phạm B và chị Phạm Thị T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/01/2017 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh trên tinh thần tự do tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau. Nay do vợ chồng sống ly thân đã lâu, có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên anh B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị T. Tại công văn trao đổi cung cấp thông tin số 1088/QLXNC-Đ1 ngày 25/10/2024 của Phòng Q Công an tỉnh H, xác nhận: chị Phạm Thị T, sinh ngày 03/02/1990; số hộ chiếu: C5244845; đã xuất cảnh chuyến cuối cùng vào ngày 01/6/2018 qua Sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ các Điều 28, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nội dung khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn anh Phạm Bình H đang sinh sống tại thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Bị đơn chị Phạm Thị T hiện đang sinh sống và làm việc tự do tại Hunggary nên xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Phạm Thị T theo thủ tục chung.

[2]. ***Về nội dung:***

Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm B và chị Phạm Thị T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/01/2017 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2018, do cuộc sống nhiều khó khăn nên chị T đi lao động tại Hunggary, từ đó tình cảm vợ chồng càng phai nhạt. Mặc dù được gia đình nội ngoại vun vén nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Hiện nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Phạm B có yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho anh được ly hôn với Phạm Thị T.

Chị Phạm Thị T thống nhất với quan điểm của anh Phạm B về nội dung về thời gian kết hôn, mâu thuẫn cũng như thừa nhận tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị thống nhất với đề nghị ly hôn của anh B. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh B, chị T là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh B khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị T là có căn cứ và phù hợp.

Do đó, căn cứ Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm B và chị Phạm Thị T.

Về con chung và tài sản chung: vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên miễn xét.

[3]. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 464, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57 Điều 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm B và chị Phạm Thị T.

2. Về án phí: Anh Phạm B tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000075 ngày 07/10/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh). Anh Phạm B được nhận lại 150.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Thạch Kim;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Lệ Thu

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Sỹ Quân **Trần Đăng Ninh**	**Nguyễn Hà Ngân**